

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ R
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/DS-ST

Ngày: 21-3-2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản*”

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ R, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Sỹ Luận;

2. Ông Phạm Văn khuyến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Duyên, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú R, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú R, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quang Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú R, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 222/2023/TLST - DS ngày 05-12-2023 về việc “**Kiện đòi tài sản**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T – sinh năm 1962. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 872, khu B2, phường Sơn G, thị xã Phước L, tỉnh Bình Phước.

*** Bị đơn:** Ông Lê Văn N – sinh năm 1965. (Có mặt)

Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1965. (Có mặt)

HKTT: Thôn Bình Hiếu, xã Bình T, huyện Phú R, tỉnh Bình Phước

Chỗ ở: Thôn Phước H, xã Bình T, huyện Phú R, tỉnh Bình Phước

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Nguyễn Xuân Tuấn A, sinh năm 1990 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 872, khu B2, phường Sơn G, thị xã Phước L, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Bà Nguyễn Thị T trình bày:***

Do quen biết bạn hàng mua bán hạt điều với gia đình bà Đ, ông N nên trước đây bà T có bán hạt điều cho bà Đ, ông N. Cụ thể năm 2013 bà bán cho vợ chồng ông N, bà Đ 02 xe Container hạt điều (điều nguyên hạt còn vỏ), khối lượng khoảng hơn 30 tấn (mỗi Container khoảng hơn 16 tấn) giá tiền khoảng hơn 800 triệu đồng. Do thời gian đã lâu nên bà không nhớ rõ giá cả, khi bán có ghi giấy tờ sổ sách với nhau, sau đó bà Đ, ông N trả dần tiền cho bà, có 01 lần trả bằng một xe hạt điều bẻ khoảng hơn 01 tấn, trị giá khoảng bao nhiêu thì bà không nhớ. Bà Đ có trả cho bà rất nhiều lần các khoản tiền cũng như hàng hóa. Đến ngày 12-12-2013 (dương lịch) hai bên lập giấy chốt nợ đề ngày 12-12-2013 (dương lịch) thể hiện vợ chồng bà Đ, ông N còn nợ của bà tổng số tiền 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng) và hẹn đến ngày 30-01-2014 (âm lịch) sẽ trả hết số tiền nêu trên. Bà đã nhiều lần gặp vợ chồng bà Đ, ông N yêu cầu trả nợ nhưng vợ chồng ông bà hứa hẹn rất nhiều lần và không chịu trả nợ cho bà.

Do vậy, nay bà làm đơn này yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phú R, tỉnh Bình Phước giải quyết: Buộc ông Lê Văn N và bà Lê Thị Đ có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng) mà không yêu cầu trả thêm khoản tiền nào khác.

**** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị Đ và ông Lê Văn N thống nhất trình bày:***

Bị đơn xác nhận lời trình bày của bà T là đúng. Ông N, bà Đ không nhớ rõ ngày tháng cụ thể, chỉ nhớ khoảng năm 2013 bà T có bán cho ông bà một xe Container hạt điều có khối lượng khoảng 25 tấn, với giá tiền khoảng 25.000đồng/ký. Tổng số tiền khoảng 400 đến 500 triệu đồng gì đó thì ông bà không nhớ. Khi mua bán hạt điều với nhau hai bên có viết phiếu cân điều và ghi vào cuốn sổ của bà T và mỗi lần trả tiền đều ghi vào sổ của bà T chứ ông N, bà Đ không giữ giấy tờ gì.

Sau đó (không nhớ rõ thời gian cụ thể) bà Đ, ông N có trả cho bà T khoảng 01 xe hạt điều nhân trắng, khối lượng không nhớ rõ, trị giá tiền của xe điều nhân trắng thì ông bà không nhớ, sau đó đến ngày 12-12-2013 (dương lịch) hai bên lập giấy chốt nợ là vợ chồng Đ, N còn nợ của bà T tổng số tiền 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng) và hẹn đến ngày 30-01-2014 (âm lịch) sẽ trả hết số tiền nêu trên, bà Đ, ông N cũng trả tiền rất nhiều lần cho bà T cũng như trả bằng hàng hóa, còn nợ lại số tiền 140.000.000 đồng, mỗi lần bán vỏ điều ông bà trả dần số tiền cho bà T có lúc trả số tiền 10.000.000 đồng, còn lại hơn 90 triệu đồng. Hàng tháng con của bà T tên A có đến nhà ông bà lấy tiền có lần lấy số tiền 2.000.000 đồng có lần 3.000.000 đồng nhưng không lập giấy tờ gì. Đối với các hóa đơn giấy tờ do đã lâu và

ông N, bà Đ chuyển nhà nên đã thất lạc không còn lưu giữ. Do tin tưởng nên chỉ ghi vào sổ của bà T mỗi lần trả thì trừ dần số tiền còn nợ.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà T buộc vợ chồng ông Lê Văn N và Lê Thị Đ có trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng) thì ông bà không đồng ý, mà chỉ đồng ý còn nợ của bà T số tiền khoảng 50.000.000 đồng nhưng ông bà xin không trả cho bà T nữa, do làm ăn thua lỗ nên hiện nay không còn khả năng trả nợ nữa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Xuân Tuấn A trình bày:** Ông A cho rằng không nhận bất cứ số tiền nào từ bà Đ trả nợ cho mẹ ông (bà T), bởi nếu nhận tiền của bà Đ (trả nợ cho mẹ ông là bà T) thì phải lập giấy tờ hay ký vào sổ sách. Còn việc mua bán hạt điều là giữa mẹ ông (bà T) với bà Đ, ông N thì ông không tham gia và không biết. Do vậy đối với vụ việc này ông không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Không có đương sự nào cung cấp thêm chứng cứ, tài liệu gì thêm.

Tại phiên tòa nguyên đơn Bà Nguyễn Thị T rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 27-11-2023 đối với việc yêu cầu ông Lê Văn N, bà Lê Thị Đ phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền 190.000.000 đồng cho bà T, cụ thể bà T rút đối với phần yêu cầu ông N, bà Đ trả số tiền 20.000.000 đồng vì cho rằng đây là số tiền lãi suất lúc đầu các bên thỏa thuận mà chỉ yêu cầu bà Đ, ông N có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền gốc còn lại từ việc mua bán hạt điều là 170.000.000 đồng, ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn bà Lê Thị Đ và ông Lê Văn N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu ông bà có trách nhiệm liên đới trả số tiền 170.000.000 đồng. Ông N, bà Đ cho rằng đã trả tiền cho bà T rất nhiều lần, có lần trả bằng hàng hóa có lần trả bằng tiền mặt cho bà T, ông bà xác nhận hiện chỉ còn nợ của bà T khoảng 50.000.000 đồng nhưng ông bà xin không trả cho bà T nữa, do làm ăn thua lỗ nên hiện nay không còn khả năng trả nợ nữa.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Căn cứ các điều 122, 181, 428, 432, 438 Bộ luật dân sự năm 2005: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên buộc ông N, bà Đ có nghĩa vụ trả bà T số tiền mua bán hạt điều còn lại là 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tra luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật:

Quá trình thụ lý vụ án Tòa án xác định đây là vụ án “Kiện đòi tài sản”, do nguyên đơn Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Lê Văn N và bà Lê Thị Đ có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay là 190.000.000 đồng, tuy nhiên quá trình làm việc thấy rằng hai bên xác định đây là số tiền các bên mua bán hạt điều với nhau, nên xác định quan hệ pháp luật đây là vụ án “Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản”. Hiện bị đơn ông Lê Văn N và bà Lê Thị Đ cư trú tại thôn Phước H, xã Bình T, huyện Phú R, tỉnh Bình Phước. Do đó Tòa án nhân dân huyện Phú R thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại các điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân Tuấn A vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về nội dung vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị T cho rằng bị đơn bà Lê Thị Đ và ông Lê Văn N còn nợ của bà tổng số tiền mua bán hạt điều là 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng). Bị đơn ông Lê Văn N và bà Lê Thị Đ thống nhất như phần trình bày của bà T còn nợ của Bà Nguyễn Thị T số tiền còn lại là 190.000.000 đồng (hai bên thống nhất lập giấy mượn tiền đề ngày 12-12-2013), tuy nhiên bà Đ, ông N cho rằng đã trả cho bà T rất nhiều lần tiền nhưng không lập giấy, ông bà xác định số tiền còn nợ lại của bà T khoảng 50.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc mua bán hạt điều giữa bà T với vợ chồng bà Đ, ông N là có thật, bà T trình bày năm 2013 bà bán cho vợ chồng ông N, bà Đ 02 xe Container hạt điều (điều nguyên hạt còn vỏ), khối lượng khoảng hơn 30 tấn (mỗi Container khoảng hơn 16 tấn) giá tiền khoảng hơn 800 triệu đồng, do thời gian đã lâu nên bà không nhớ rõ giá cả, khi bán có ghi giấy tờ sổ sách với nhau, sau đó bà Đ, ông N trả dần tiền cho bà, có 01 lần trả bằng một xe hạt điều bẻ khoảng hơn 01 tấn, trị giá khoảng bao nhiêu thì bà không nhớ, bà Đ có trả cho bà rất nhiều lần các khoản tiền cũng như hàng hóa (có lập giấy tờ, nhưng do đã lâu không còn lưu giữ). Sau đó hai bên lập “giấy mượn tiền” đề ngày 12-12-2013 (dương lịch) là vợ chồng bà Đ, ông N còn nợ của bà tổng số tiền 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng) và hẹn đến ngày 30-01-2014 (âm lịch) sẽ trả hết số tiền nêu trên. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Đ, ông N thừa nhận có lập giấy chót nợ cho bà T thể hiện nội dung “Giấy vay tiền” chứ không phải ông bà vay tiền của bà T, thể hiện nội dung ông bà còn nợ của bà T số tiền 190.000.000 đồng. Tuy nhiên ông bà đã trả tiền cho bà T rất nhiều lần nhưng không lập giấy tờ gì mà chỉ ghi vào sổ nợ cho bà T (còn chứng cứ về việc trả nợ do thời gian đã lâu, chuyển nhà thất lạc không còn lưu giữ), Bà Đ cho rằng đã trả tiền cho bà T

rất nhiều lần, có lần trả tiền cho bà T bằng hàng hóa, có lần trả bằng tiền mặt do con của bà T là Nguyễn Xuân Tuấn A nhận thay.

Tại biên bản đối chất ngày 07-3-2024 Tòa án đã tiến hành đối chất giữa bà T, bà Đ, ông Nguyễn Xuân Tuấn A, tuy nhiên ông Tuấn A cho rằng không nhận thay khoản tiền nào cho mẹ mình (bà T) từ bà Đ và cho rằng nếu nhận tiền từ bà Đ phải lập giấy tờ.

Tại phiên tòa nguyên đơn xác định số tiền mua bán hạt điều giữa hai bên là 170.000.000 đồng và tiền lãi suất hai bên thỏa thuận là 20.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc từ việc mua bán hạt điều và lãi suất là 190.000.000 đồng. Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà Đ, ông N trả số tiền lãi suất là 20.000.000 đồng vì cho rằng đây là số tiền lãi suất mà các bên thỏa thuận lúc đầu, bà T chỉ yêu cầu bà Đ, ông N có trách nhiệm liên đới trả số tiền trả số tiền 170.000.000 đồng mà không yêu cầu thêm khoản tiền nào khác. Việc rút một phần yêu cầu của bà T là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Đ, ông N cho rằng đã trả tiền cho bà T rất nhiều lần, cụ thể có lúc trả bằng hàng hóa, có lúc trả bằng tiền mặt cho bà T nhưng ông bà không có chứng cứ chứng minh nên phải chịu hậu quả về việc không chứng minh được theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Từ những phân tích và đánh giá chứng cứ nêu trên xét việc bà Đ, ông N còn nợ của bà T số tiền 170.000.000 đồng là đúng và đã quá thời hạn trả nợ nhưng ông N, bà Đ chưa trả cho bà T là vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị T là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí DSST: Do yêu cầu của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị T được Tòa án chấp nhận nên bị đơn bà Lê Thị Đ và ông Lê Văn N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi trên 60 tuổi nên không phải chịu án phí.

Vì lẽ các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 228; khoản 2 Điều 244 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 122, 181, 428, 432, 438 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Lê Thị Đ và ông Lê Văn N có trách nhiệm liên đới trả Bà Nguyễn Thị T số tiền còn nợ của việc mua hàng chưa T toán là 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông N, bà Đ chưa trả số tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi suất là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

[3] *Về án phí:* Bị đơn bà Lê Thị Đ và ông Lê Văn N phải có trách nhiệm liên đới chịu số tiền án phí là 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Phú R;
- CC THA DS huyện Phú R;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hảo